

Số: /2023/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 19 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ CHÍN (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 2193/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết nội dung và mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động của nhà trường.

2. Nguyên tắc thực hiện công tác thu, chi

a) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải thực hiện theo nguyên tắc thu đủ, chi đủ; đúng mục đích; phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, thu nhập trên từng địa phương. Mức thu căn cứ trên cơ sở dự toán chi phí, nội dung chi và phải được thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện.

b) Thực hiện việc thu, chi bảo đảm công khai theo đúng quy định hiện hành và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

c) Quản lý thu, chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

3. Nội dung các khoản thu

a) Khoản thu vệ sinh trường lớp: hỗ trợ các cơ sở giáo dục đảm bảo kinh phí trong việc hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh của học sinh.

b) Khoản thu tiền ký túc xá tại các cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức nội trú: chi trả cho nhân viên quản lý, bảo vệ, phục vụ và các chi phí khác nhằm duy trì hoạt động cho ký túc xá.

c) Khoản thu phục vụ bán trú: hỗ trợ giáo viên trông giữ học sinh buổi trưa tại các lớp bán trú; hỗ trợ cho cán bộ quản lý, nhân viên bảo vệ, phục vụ; phụ thu tiền điện, nước, tăng cường trang thiết bị và các nội dung khác phục vụ hoạt động học bán trú.

d) Khoản thu trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính: hỗ trợ cho giáo viên, nhân viên phục vụ và các nội dung khác phục vụ trông giữ học sinh ngoài giờ hành chính khi phụ huynh học sinh có yêu cầu.

đ) Khoản thu phục vụ bữa ăn sáng cho trẻ mầm non: chi trả tiền công cho nhân viên cấp dưỡng; giáo viên; cán bộ quản lý, nhân viên bảo vệ, phục vụ...; tiền điện, nước, vệ sinh và các nội dung khác phục vụ hoạt động này.

e) Khoản thu phí dạy học buổi 02: gồm các nội dung chi trả tiền thêm giờ cho giáo viên dạy học buổi 02; chi trả cho cán bộ quản lý, nhân viên bảo vệ, phục vụ; tiền điện, nước, vệ sinh, tăng cường cơ sở vật chất và các nội dung khác phục vụ hoạt động dạy học 02 buổi/ngày.

4. Mức thu

STT	Nội dung các khoản thu	Mức thu tối đa	Đơn vị tính
1	Phục vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh)		
1.1	Mầm non	180.000	Đồng/trẻ/tháng
1.2	Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông		
	- Có tổ chức nấu ăn	145.000	Đồng/học sinh/tháng
	- Không tổ chức nấu ăn	80.000	
2	Ký túc xá tại các cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức nội trú	150.000	Đồng/học sinh/tháng
3	Vệ sinh trường lớp (tất cả các cơ sở giáo dục bao gồm cả giáo dục thường xuyên)	11.000	Đồng/học sinh (trẻ)/tháng
4	Trông trẻ mầm non ngoài giờ hành chính	10.000	Đồng/trẻ/giờ
5	Phục vụ ăn sáng cho trẻ mầm non (không bao gồm tiền ăn của trẻ)	150.000	Đồng/trẻ/tháng
6	Dạy học buổi 02		
6.1	Tiểu học	4.000	Đồng/học sinh/tiết
6.2	Trung học cơ sở	6.000	
6.3	Trung học phổ thông (bao gồm giáo dục thường xuyên)	7.000	
6.4	Trường trung học phổ thông Chuyên Hùng Vương	10.000	

Các mức thu quy định trên là mức thu tối đa. Tùy vào tình hình thực tế của nhà trường và theo nhu cầu đề xuất của phụ huynh học sinh, nhà trường và phụ huynh thỏa thuận mức thu cụ thể nhưng không vượt quá mức thu quy định.

Trường hợp Chính phủ thay đổi mức lương cơ sở hoặc mức lương tối thiểu vùng, nhà trường thỏa thuận với phụ huynh để điều chỉnh các mức thu quy định nêu trên nhưng không vượt quá tỷ lệ điều chỉnh lương cơ sở hoặc lương tối thiểu vùng của Chính phủ quy định sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý cấp trên.

5. Đối với các khoản thu phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục do các đơn vị bên ngoài cung ứng (tiền ăn của học sinh ở các lớp bán trú; tiền xe đưa đón học sinh; kinh phí làm quen với ngoại ngữ cho trẻ mầm non; dạy ngoại ngữ cho học

sinh tiểu học; dạy các môn năng khiếu cho học sinh mầm non và tiểu học; các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đối với học sinh phổ thông; dạy tiếng Anh của giáo viên người nước ngoài...): các cơ sở giáo dục thỏa thuận với phụ huynh để xác định mức thu sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý cấp trên.

6. Chế độ miễn, giảm

a) Miễn các khoản thu quy định tại khoản 4 Điều này đối với học sinh: thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ; thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; bị khuyết tật; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

b) Giảm 50% các khoản thu quy định tại khoản 4 Điều này đối với học sinh: thuộc hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ chín (chuyên đề) thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và bãi bỏ khoản 10, điểm a khoản 11 Điều 1 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành Giáo dục và Đào tạo, Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Ban CTĐB;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm CB, Website tỉnh, Báo, Đài PT-TH BD;
- Các phòng, App, Web;
- Lưu: VT, L (4).

CHỦ TỌA

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Nguyễn Trường Nhật Phụng